TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **138**/2021/DS-ST
Ngày 28-4-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng giao khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh, ông Y Bhem Knul

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 689/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Lc, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần cà phê TL; địa chỉ: xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957; địa chỉ: đường D, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày:*

Ngày 25/8/2011, ông L có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH một thành viên cà phê TL (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL).

Ngày 27/8/2011 giữa ông L và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1490/2011/HĐ-GK với nhau, theo hợp đồng thì: Ông L đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1994 của Công ty có diện tích 4.870m^2, diện tích bờ lô 707m^2. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 30/4, thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: thuộc xã HĐ, huyện

K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 24.729.878 đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 15.647.966 đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 10 năm. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 ông L đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì ông L phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận là 12.422.107,6 đồng/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000 đồng/kg, thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000 đồng/kg, thành tiền là 3.472.000 đồng/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng cho diện tích 01ha trong 08 năm (từ năm 2011-2018) mà Công ty không trả phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu với số tiền là 7.344.000 đồng (Bình quân một năm là 918.000 đồng/năm).

Theo đơn khởi kiện thì ông L yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả tổng số tiền là 118.602.753,2 đồng. Tuy nhiên, sau khi xem xét lại hợp đồng do diện tích nhận khoán là 4.870m^2 nên quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm ông L xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) và một phần tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 5130m^2 (từ năm 2011-2017) là 4.214.538 đồng. Tổng cộng là 115.473.291,2 đồng.

Đối với tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 4870m^2 đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 3.129.462 đồng, ông L đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đình B trình bày:*

Công ty Cổ phần cà phê TL (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê TL) thừa nhận là giữa Công ty với ông Bùi Văn L có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 1490/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 ông L đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020 ông L đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng nhưng Công ty chưa tiến hành khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện thì Công ty Cổ phần cà phê TL không có ý kiến gì. Còn đối với yêu cầu khởi kiện của ông L về việc Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 4870m^2 đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 3.129.462 đồng, Công ty Cổ phần cà phê TL không

chấp nhận, vì: Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê, do đó, về công lao động đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01ha cà phê. Tại trang 9, 10 của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã ghi rõ các khoản mục trong cấu thành giá thành sản xuất "Tiền khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000 đồng/ha/năm, trong đó phần 51% là 255.000 đồng/ha/năm" vào giá thành (Khấu trừ ăn chia sản phẩm). Đồng thời, tại mục 1 Điều 1 của hợp đồng được ký kết giữa các nguyên đơn với Công ty thì "Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê...". Như vậy, mặc dù trong hợp đồng giao khoán hai bên chỉ đề cập đối với hệ thống hồ đập, kênh mương không đề cập đến việc tưới giếng, nhưng thực chất Công ty đã trả 255.000 đồng/ha/năm là hoàn toàn công bằng giữa người tưới mương và tưới giếng. Mặt khác, theo thông báo số 61/UB-VPUBND ngày 08/4/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nêu: "…việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả". Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của ông L.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Bùi Văn L tranh luận: Giữ nguyên yêu cầu về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại cho nguyên đơn ông L tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 4870m^2 đất giao khoán (từ năm 2011-2017), vì: Dựa vào thực tế, vườn cây không thể tưới bằng kênh mương, diện tích vườn cây nhận khoán của các hộ dân cách xa hệ thống kênh mương của Công ty, khi không có nước tưới thì sản lượng cà phê giảm sút.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đình B tranh luận: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 4870m^2 đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 3.129.462 đồng. Đình chỉ xét xử một phần

yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả số tiền 115.473.291,2 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L thì Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê TL có địa chỉ tại xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy: Giữa ông Bùi Văn L với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê TL (Nay là Công ty Cổ phần cà phê TL) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 1490/2011/HĐ-GK. Qua xem xét Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán thì ông L đều đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết niên vụ 2017-2018 và các bên không có tranh chấp gì. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L về việc Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 4870m^2 đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 3.129.462 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Tại Điều 1, 2 của hợp đồng khoán gọn có nêu: "Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê"; "Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm". Tại trang 9, 10 Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã ghi rõ, trường hợp gia đình tưới nước từ kênh mương của Công ty thì phải trả lại tiền khấu hao kênh mương, thủy lợi cho Công ty phần 49% là 245.000đồng/ha/năm, trong phần tính toán chi phí đầu tư để khấu trừ Công ty đã trả 255.000đồng/ha/năm (Khấu hao kênh mương phần 51%) cho người nhận khoán. Như vậy, căn cứ vào bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt và hợp đồng

mà ông L đã ký với Công ty thì, khi ký kết hợp đồng hai bên không đề cập đến thủy lợi phí là thuê giếng tưới, các bên chỉ đề cập tới khấu hao hồ đập, kênh mương. Đồng thời, tại Thông báo số 61/UB-VPUBND ngày 08/4/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nêu: "…việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả". Mặt khác, tại thời điểm ký kết và trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông L không có ý kiến gì với Công ty về việc tưới giếng đối với vườn cây nhận khoán. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003; không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của ông Bùi Văn L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Văn L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) và một phần tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 5130m^2 (từ năm 2011-2017) là 4.214.538 đồng. Tổng cộng là 115.473.291,2 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông L. Ông Bùi Văn L được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L đối với số tiền 3.129.462 đồng không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 4870m^2 đất giao khoán (từ năm 2011-2017) là 3.129.462 đồng (Ba triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê TL phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đồng, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đồng; tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 01ha (năm 2018) và một phần tiền thủy lợi phí về việc tưới giếng nước cho diện tích 5130m^2 (từ năm 2011-2017) số tiền 4.214.538 đồng. Tổng cộng là 115.473.291,2 đồng (Một trăm mười lăm triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm chín mươi mốt phẩy hai đồng).

Ông Bùi Văn L được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.965.000 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0015800 ngày 05/8/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Ông Bùi Văn L được nhận lại số tiền 2.665.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam